

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 68/2022/HS-ST
Ngày 21-12-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L2 - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lượng

Ông Hoàng Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị H2 - Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2022/TLST-HS ngày 30/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HS ngày 09/12/2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 11/3/1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P 1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tất Đ, sinh năm 1955 và bà Đào Thị T2, sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/5/2022 tại Nhà tạm giữ của Công an huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Phạm Quốc N, sinh ngày 25/01/1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L2, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1965; bị cáo đã ly hôn vợ, có 01 con sinh năm 2008; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; bị cáo bỏ trốn, bị truy nã theo quyết định truy nã số 04/QĐTN ngày 20/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đến ngày 23/5/2022 ra đầu thú và bị tạm giữ đến

ngày 26/5/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ của Công an huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Phạm Tiến V, sinh ngày 28/4/1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị C1, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là Lê Thị Thanh H2, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2020; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/5/2022 tại Nhà tạm giữ của Công an huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Lam Văn T4, sinh ngày 19/4/1994 tại Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 28, khu 3, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lam Văn S1 (đã chết) và bà Trần Thị N1, sinh năm 1959; bị cáo chưa có chồng, con; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/5/2022 tại Trại tạm giam của Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. Trần Thu T1, sinh ngày 04/9/1995 tại Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 28, khu 3, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mạnh S2, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1979 (đều đã chết); bị cáo chưa có chồng, con; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/5/2022 tại Trại tạm giam của Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

6. Lò Thị H, sinh ngày 09/5/2004 tại Điện Biên (tính đến ngày thực hiện hành vi, 17 tuổi 11 tháng 19 ngày). Nơi cư trú: Bản P B, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Khơ Mú; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn C2, sinh năm 1985 và bà Lò Thị T3, sinh năm 1986; bị cáo chưa có chồng, con; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/5/2022 tại Trại tạm giam của Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo H:* Bà Đoàn Thị Huế - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; địa chỉ Trung tâm TGPL: Số 112, đường L, phường Q, quận K1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Phạm Thị Thúy L, sinh năm 1997 cùng chồng là anh Bùi Mạnh H1, sinh năm 1969; cùng cư trú tại địa chỉ: Số nhà 70, ngõ 201, đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Thanh H2, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Thôn 5, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Phạm Văn T5, anh Nguyễn Văn Q, chị Triệu Thúy D; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 28/4/2022, Công an huyện K, thành phố Hải Phòng kết hợp với Công an xã Đ, huyện K tiến hành kiểm tra tại nhà lán trong trang trại ở thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng thuộc sở hữu của chị Phạm Thị Thuý L, sinh năm 1997, chồng là anh Bùi Mạnh H1, sinh năm 1969, cùng cư trú tại số nhà 70, ngõ 201, đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Qua kiểm tra, phát hiện 08 đối tượng có biểu hiện sử dụng trái phép các chất nghi là ma túy gồm Phạm Văn T, sinh năm 1988; Phạm Tiến V, sinh năm 1991 và Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995 cùng cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện K; Lam Văn T4, sinh năm 1994 và Trần Thu T1, sinh năm 1995 cùng cư trú tại tổ 28, khu 3, phường Hà Phong, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Lò Thị H, sinh ngày 09/5/2004, cư trú tại Bản PB, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Triệu Thúy D, sinh ngày 22/01/2004 cư trú tại thôn Hà Loan, xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Phạm Văn T5, sinh năm 1983, trú tại thôn Đoàn Xá 4, xã Đoàn Xá, huyện K. 08 đối tượng đều khai nhận đã sử dụng 02 loại ma túy gồm thuốc Lắc (MDMA) và Ketamine, nhưng chưa kịp sử dụng hết thì bị bắt quả tang nên đều bị L2 biên bản, tạm giữ cùng vật chứng. Quá trình điều tra, xác định còn có Phạm Quốc N, sinh ngày 25/01/1986 cư trú tại thôn P 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng cùng sử dụng các chất nghi là ma túy với 08 đối tượng nêu trên. N là người được chị L giao trông coi, quản lý Trang trại của chị L. N bỏ trốn, bị truy nã theo Quyết định truy nã số 04/QĐTN ngày 20/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đến ngày 23/5/2022 ra đầu thú và bị tạm giữ đến ngày 26/5/2022 chuyển tạm giam.

Vật chứng thu giữ:

- 01 túi nilon màu trắng kích thước 02 cm x 02 cm bấm dính tinh thể màu trắng tại nền nhà lán; 02 túi nilon màu trắng kích thước 02 cm x 02 cm bấm dính tinh thể màu trắng tại gần cửa phòng; 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn trên mặt đĩa có tinh thể màu trắng, Cơ quan Công an đồ tinh thể vào túi nilon kích thước 07 cm x 06 cm (Niêm phong 04 túi nilon trên ký hiệu là mẫu M1); 01 túi nilon màu trắng kích thước 07 cm x 05 cm chứa chất bột màu xanh và hồng (Niêm phong ký hiệu

mẫu M2); 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 01 thẻ nhựa màu hồng, hình chữ nhật, ghi họ tên “PHAM QUOC N”.

- 01 điện thoại Oppo F11 màu xanh đen của Phạm Văn T, 01 điện thoại Iphone XSMax màu trắng của Phạm Tiến V, 01 điện thoại Iphone 7 màu đen của Phạm Văn T5, 01 điện thoại Iphone XSMax màu vàng của Nguyễn Văn Q, 01 điện thoại Iphone 8Plus màu vàng của Lò Thị H, 01 điện thoại Iphone 6Plus màu vàng của Triệu Thuý D, 01 điện thoại Iphone 6Plus màu vàng của Trần Thu T1, 01 điện thoại Iphone 7Plus của chị Phạm Thị Thuý L, 01 xe ô tô Vinfast Fadil, màu xám, biển kiểm soát 15A-792.91 do Phạm Tiến V là người điều khiển.

Tại Kết luận giám định số 173/KLGD-MT ngày 30/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Tinh thể màu trắng của mẫu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,16 gam, là loại Ketamine; chất bột màu xanh lẫn màu hồng của mẫu M2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,33 gam, là loại MDMA. Các mẫu nước tiểu của T, V, T4, T1, H, Q, D, Trường đều tìm thấy chất ma túy loại MDMA và Ketamine.

Các đối tượng được đưa vào Cơ sở cai nghiện số 2 Hải Phòng từ ngày 29/4/2022 đến ngày 04/5/2022 xác định cả 08 đối tượng trên đều không phải là đối tượng nghiện ma túy.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại không tìm thấy dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại đồ vật, tài sản gồm: Ngày 04/5/2022 trả lại Nguyễn Văn Q 01 điện thoại Iphone XSMax màu vàng, Lò Thị H 01 điện thoại Iphone 8Plus màu vàng, Triệu Thuý D 01 điện thoại Iphone 6Plus màu vàng, Trần Thu T1 01 điện thoại Iphone 6Plus màu vàng; ngày 04/9/2022 trả lại Phạm Văn T5 01 điện thoại Iphone 7 màu đen cho, chị Phạm Thị Thuý L 01 điện thoại Iphone 7Plus; ngày 01/7/2022 trả lại chị Lê Thị Thanh H2 vợ của V, sinh năm 1997, cư trú tại thôn 5, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng là chủ sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô Vinfast Fadil, màu xám, biển kiểm soát 15A-792.91.

Số ma túy và vỏ bao bì còn lại của mẫu M1, M2 sau giám định được niêm phong lại trong 01 (một) bì giấy, dấu niêm phong số 173MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC 09) - Công an thành phố Hải Phòng; 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn; 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 01 thẻ nhựa màu hồng, hình chữ nhật, ghi họ tên “PHAM QUOC N”, 01 điện thoại Oppo F11 màu xanh đen của Phạm Văn T, 01 điện thoại Iphone XSMax màu trắng của Phạm Tiến V, chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý theo biên bản giao, nhận ngày 30/11/2022.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu và khai: Tới ngày 27/4/2022, do vợ chồng chị Phạm Thị Thúy L, chồng là anh Bùi Mạnh H1 mời T, V, N, Q, Trường và một số người bạn của anh chị đến nhà lán trong trang trại ở thôn Đ1, xã Đ, huyện K của chị L để ăn liên hoan nên cả nhóm có mặt ở đó. Ăn liên hoan xong vợ chồng chị L và mọi người ra về; trang trại được vợ chồng chị L giao cho N là anh trai chị L trông coi, quản lý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, N rủ T, V, Q, Trường cùng đi hát Karaoke ở quán Minh Khánh thuộc xã Kiến Quốc, huyện K và gặp 03 nhân viên nữ phục vụ là T4, H và D. Trong phòng hát, T4 nói với T "Lâu ngày không gặp nhau, em muốn chơi tý đồ", T hiểu là T muốn sử dụng ma túy nên đồng ý và nói "Tý anh mua đồ, mấy anh em chơi, mấy chị em ai đi chơi cùng thì đi". Sau đó, T nói với N "Có mấy chị em muốn về trại của cháu chơi tý đồ", N hiểu là mọi người muốn về trại sử dụng ma túy nên đồng ý. V, T5 đều hiểu hiểu T rủ mọi người về trang trại để sử dụng ma túy, riêng Q do say rượu nên không biết mọi người rủ nhau sử dụng ma túy. Cả nhóm hát đến khoảng hơn 00 giờ ngày 28/4/2022 thì dừng hát. Khi nhóm của T ra về thì T rủ T1 cùng đi sử dụng ma túy, T1 đồng ý. H và D không quen biết nhóm T nên hỏi T4 cho đi cùng, T4 đồng ý. Sau đó, T4 gọi taxi chở T4, T1, H D đi đến nơi T hẹn tại trang trại.

Sau khi hát xong, tại quán hát Karaoke T gọi điện thoại cho một người đàn ông tên Chót hỏi mua 05 viên kẹo MDMA và 02 gam Ketamine (T không biết họ, tên đệm, tuổi, địa chỉ, chỉ biết số điện thoại và nghe nói Chót có bán ma túy). Chót đồng ý, hẹn gặp T ở Bưu điện chợ Hương, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. V lái xe ô tô Vinfast Fadil, biển kiểm soát 15A-792.91 của chị H2 vợ V để chở T, N, T5, Q đi từ quán Karaoke về. Trên đường đi, T bảo V chở đến Bưu điện chợ Hương, quận Dương Kinh, V hiểu là chở đến đó để mua ma túy. Đến nơi, T xuống xe đứng ở đường gọi Chót đến, vài phút sau Chót đến đưa cho T 01 túi nylon kích thước 07 cm x 05 cm chứa 05 viên kẹo và 02 túi nylon kích thước 02 cm x 02 cm chứa Ketamine. Chót bảo T trả tiền sau nên T chưa trả tiền và cũng không biết số ma túy này bao nhiêu tiền vì đây là lần đầu tiên mua ma túy. T không bàn bạc với ai về việc phải góp tiền mua ma túy, không ai góp tiền mua ma túy cùng T. Khi T xuống xe mua ma túy, V chở mọi người đi mua thuốc lá gần đó nên không ai nhìn thấy T mua ma túy. Sau đó, V quay xe lại đón T và chở mọi người về nhà lán trong trang trại của chị L do N trông coi, quản lý. Đến nơi N đưa chìa khóa cho Trường mở cổng, mở cửa cho mọi người vào; lúc này T4, T1, H, D cũng đi taxi đến nên T ra đón vào nhà lán. Khi cả nhóm vào phòng ngủ tại nhà lán, T để gói ma túy kẹo MDMA và Ketamine xuống đệm rồi nói "anh em chia nhau chơi đi". Sau đó, N lấy 01 đĩa sứ màu trắng từ bếp lên và lấy 01 thẻ nhựa màu hồng, hình chữ nhật, ghi họ tên "Phạm Quoc N" từ trong ví của N để ở đệm cho mọi người sử dụng ma túy. V dùng điện thoại Iphone XSMax màu trắng của V kết nối Bluetooth

với 01 Loa Bluetooth có sẵn trong phòng để phát tín hiệu nhạc vào loa; có người (không xác định được là ai) bật đèn màu có sẵn trong phòng, loại đèn dùng cho phòng hát, sân khấu có chuyển động ánh sáng màu để những người trong nhóm cùng nghe nhạc và nhảy. Lúc này, có người (không xác định được là ai) đưa T1 tờ tiền 50.000 đồng, H lấy bao thuốc lá Thăng Long có sẵn ở đệm tháo ra 03 vỏ bọc đầu lọc đưa T1 đang cuộn tờ tiền để cố định 02 đầu tờ tiền thành hình ống dùng làm ống hút ma túy. T1 xỏ được 01 vỏ bọc đầu lọc thì không xỏ thêm được nữa nên H lấy và xỏ được 02 vỏ bọc còn lại vào ống hút. H, T1 làm xong ống hút ma túy đưa cho V; V tháo bỏ bớt 01 vỏ bọc đầu lọc, chỉ để lại 02 vỏ bọc đầu lọc dùng cố định 02 đầu tờ tiền 50.000 đồng. Khi cả nhóm sử dụng ma túy, V đưa ma túy kẹo MDMA cho T4, T1, Q, D sử dụng. Tiếp theo V đổ ma túy Ketamine ra đĩa, lấy thẻ nhựa đánh ma túy xong để đĩa xuống chiếu. T4 nói "ma túy bị sổng" (được hiểu là chưa mịn) nên T4 tiếp tục dùng thẻ nhựa đánh mịn ma túy, kẻ thành 02 đường rồi đưa đĩa cho T, T5, N sử dụng. T1 đưa ma túy kẹo MDMA và Ketamine cho H, D sử dụng. H kẻ 02 đường Ketamine đưa T1 sử dụng. Ngoài ra, các lần khác mọi người tự lấy ma túy sử dụng. T5, Q, D không mời, không đưa ma túy cho ai sử dụng. Cả nhóm sử dụng ma túy, nghe nhạc, nhảy đến 08 giờ cùng ngày 28/4/2022 thì bị lực lượng Công an phát hiện, L2 biên bản, thu giữ vật chứng nêu trên. Cả nhóm đều khai, số ma túy bị thu giữ, nếu không bị phát hiện sẽ sử dụng hết. N bỏ trốn, bị truy nã theo quyết định truy nã số 04/QĐTN ngày 20/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đến ngày 23/5/2022 N ra đầu thú và bị tạm giữ đến ngày 26/5/2022 chuyển tạm giam.

Tại Cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm vợ chồng chị Phạm Thị Thúy L, anh Bùi Mạnh H1, chị Lê Thị Thanh H2 và người làm chứng gồm anh Phạm Văn T5, anh Nguyễn Văn Q, chị Triệu Thúy D đều khai về các tình tiết có liên quan như nội dung vụ án đã nêu, đúng như lời khai nhận tội của các bị cáo như sau: Chị L, anh H1 khai trang trại trồng cây ăn quả ở thôn Đ1, xã Đ, huyện K thuộc sở hữu của chị L, thỉnh thoảng anh chị mới về đó, anh chị giao cho N là anh trai chị L thường xuyên trông coi, quản lý được khoảng gần 01 năm. Tối ngày 27/4/2022, anh chị có mời một số khách đến ăn liên hoan tại nhà lán trong trang trại xong mọi người đều ra về, anh chị về nhà riêng ở nội thành Hải Phòng nghỉ. Sau đó, một số người quay lại nhà lán trong trang trại để sử dụng ma túy đến sáng ngày 28/4/2022 thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang, nhưng anh chị không biết do N tự ý cho họ vào khi anh chị đã về nhà riêng; chị Lê Thị Thanh H2 vợ của bị cáo V khai: Vào chiều ngày 27/4/2022, trước khi V điều khiển xe ô tô Vinfast Fadil, màu xám, biển kiểm soát 15A-792.91 của chị đi, V chỉ nói đi ăn liên hoan ở thôn Đ1, xã Đ, huyện K do được anh H1 mời, chị không biết việc V sử dụng xe của chị để chở bị cáo T đi mua ma túy; anh T5, anh Q, chị D cùng khai về việc vào sáng sớm ngày 28/4/2022 đến nhà lán trong trang trại là do được T và T

mời đến và có sử dụng ma túy cùng cả nhóm đến khi bị Công an phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng. Anh Trường, anh Q, chị D không rủ, không đưa, không mời ai sử dụng ma túy, không biết ai là người mua ma túy mang đến. Anh Trường, anh Q, chị D đều bị Công an huyện K xử phạt hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKS-KT ngày 29/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố Phạm Văn T, Phạm Quốc N, Phạm Tiến V, Lam Vân T4, Trần Thu T1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Lò Thị H về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo cùng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, các tình tiết khác có liên quan như nội dung vụ án đã nêu, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân, vai trò đồng phạm của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng; đề xuất về mức hình phạt, xử lý vật chứng, các vấn đề khác cần phải giải quyết trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Phạm Văn T từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Phạm Quốc N từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Phạm Tiến V từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Lam Vân T4 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Trần Thu T1 từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 38; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Lò Thị H từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo tính từ ngày tạm giam.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, N, V, T4, T1 đều làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H do là người dưới 18 tuổi.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy và vỏ bao bì còn lại của mẫu M1, M2 sau giám định được niêm phong lại trong 01 (một) bì giấy, dấu niêm phong số 173MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC 09) - Công an thành phố Hải Phòng và 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn; 01 thẻ nhựa màu hồng, hình chữ nhật ghi họ tên "PHAM QUOC N" là công cụ, phương tiện phạm tội.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 01 điện thoại Oppo F11 màu xanh đen của Phạm Văn T, 01 điện thoại Iphone XSMAX màu trắng của Phạm Tiến V đều còn giá trị sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội.

- Về án phí:

+ Mỗi bị cáo Phạm Văn T, Phạm Quốc N, Phạm Tiến V, Lam Văn T4, Trần Thu T1 đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

+ Bị cáo H thuộc hộ nghèo tại địa phương theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 1180/GCN-HN-HCN của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên: Do đó, cần cho bị cáo H được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trong vụ án này, đối với Phạm Văn T5, Nguyễn Văn Q, Triệu Thúy D chỉ sử dụng ma túy ngoài ra không có hành vi gì khác nên Cơ quan điều tra đã chuyển Công an huyện K để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Vợ chồng chị L, anh H1 không biết các đối tượng sử dụng ma túy tại nhà lán trong trang trại thuộc quyền sở hữu của chị L; chị Lê Thị Thanh H2 vợ của bị cáo V không biết việc V sử dụng xe ô tô Vinfast Fadil, biển kiểm soát 15A-792.91 của chị để chở các bị cáo đi mua ma túy về sử dụng nên Cơ quan điều tra đều không xử lý. Cơ

quan điều tra đã xác minh số điện thoại T gọi cho người đàn ông tên Chót, mang tên trong hồ sơ đăng ký chủ thuê bao là Nguyễn Đức T6, sinh năm 1987, ở thôn X, xã N, huyện K. Tuy nhiên, anh Thành đã bán số điện thoại này cho một người đàn ông lạ mặt, chưa xác định được là ai, ở đâu nên tách ra điều tra xử lý sau. Điều là phù hợp và có cơ sở, nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, Người bào chữa - Bà Huế trình bày nội dung bào chữa cho bị cáo H:

- Về tội danh, điều luật áp dụng: Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố và đề nghị kết tội bị cáo Lò Thị H về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 là đúng vì tại thời điểm bị bắt quả tang, bị cáo cùng 05 bị cáo khác tổ chức cùng nhau và cho người khác sử dụng chất bột màu trắng, qua giám định chất đó là ma túy Ketamin có khối lượng 0,16 gam; chất bột màu xanh lẫn màu hồng là ma túy MDMA có khối lượng 0,33 gam nên Trợ giúp viên không ý kiến về tội danh cũng như điều luật áp dụng đối với H.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thứ nhất, đồng ý với Quý viện về việc áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 đối với bị cáo. Bởi lẽ, trong suốt quá trình tham gia tố tụng vụ án từ giai đoạn điều tra, truy tố cho đến tham gia phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo H luôn thành khẩn khai báo, không quanh co chối tội. Mặt khác, bị cáo cũng đã rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Do đó, đề nghị áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo là “Thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải”; thứ hai: Đây là lần đầu tiên H phạm tội điều đó được thể hiện tại trích lục tiền án, tiền sự và vị trí, vai trò của bị cáo là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” đối với H theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; thứ ba: Bị cáo H là người dân tộc Khơ mú, cư trú tại Bản P B, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định 861/QĐ/TTg ngày 04/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Bản thân bị cáo là người dân tộc, gia đình thuộc hộ nghèo, trình độ văn hóa thấp nên dẫn đến việc nhận thức về mọi mặt của đời sống xã hội cũng như hạn chế về mặt pháp luật. Ngoài ra, bị cáo có ông ngoại là thương binh. Đề nghị xem xét áp dụng đây là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Như vậy, bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là chuyển sang khung hình phạt liền kề: Chuyển sang khung hình phạt theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

- Về hình phạt chính: Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đã xâm phạm việc quản lý độc quyền của nhà nước đối với mặt hàng này nên bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm mà mình đã thực hiện. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (03 tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017) và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hơn nữa hành vi phạm tội của bị cáo đơn giản, vi phạm pháp luật do bị rủ rê, lôi kéo, vai trò bị cáo là thấp nhất trong vụ án nên tính chất, mức độ của hành vi là ít nguy hiểm. Mặt khác, bị cáo là người chưa thành niên nên cần áp dụng các quy định về nguyên tắc đối với người chưa thành niên để áp dụng cho bị cáo, cụ thể: Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải đảm bảo lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm... Đồng thời cần khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, L2 công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra.

- Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo là người dưới 18 tuổi, thuộc hộ nghèo nên theo quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự thì không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự áp dụng mức hình phạt tù cao nhất không quá $\frac{3}{4}$ mức hình phạt tù mà điều luật quy định: Cho bị cáo H được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa khuyết điểm, sớm cải tạo và trở về với xã hội, phấn đấu, rèn luyện để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

- Về án phí: Bị cáo H thuộc hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/QH14 để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp: Giữ nguyên nội dung luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo H và các vấn đề khác cần phải giải quyết trong vụ án như Kiểm sát viên đã trình bày.

Người bào chữa cho bị cáo H - bà Huế: Giữ nguyên toàn bộ nội dung bào chữa như đã trình bày với Hội đồng xét xử.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị L, anh H1; người làm chứng gồm anh Trường, anh Q, chị D đều đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đều đã có lời khai đầy đủ về các tình tiết có liên quan trong vụ án, phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xác định, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ như đề nghị của các bị cáo, người bào chữa, Kiểm sát viên tại phiên tòa theo quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với biên bản kiểm tra, vật chứng thu giữ, các biên bản khám nghiệm, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong thời gian từ khoảng 00 giờ đến 08 giờ ngày 28/4/2022, tại nhà lán trong trang trại thuộc sở hữu của chị Phạm Thị Thuý L ở thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, 06 bị cáo gồm Phạm Văn T, Phạm Tiến V, Phạm Quốc N (là anh trai chị L và là người được giao trông coi, quản lý trang trại), Lam Vân T4, Trần Thu T1, Lò Thị H (17 tuổi 11 tháng 19 ngày) thực hiện hành vi tổ chức cho nhau và tổ chức cho Phạm Văn T5, Nguyễn Văn Q, Triệu Thuý D sử dụng trái phép chất ma túy MDMA, Ketamine thì bị Công an huyện K phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng. Theo Kết luận giám định số 173/KLGD-MT ngày 30/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Tinh thể màu trắng của mẫu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,16 gam, là loại Ketamine; chất bột màu xanh lẫn màu hồng của mẫu M2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,33 gam, là loại MDMA. Như vậy, hành vi của các bị cáo T, N, V, T4, T1 và H đã có đủ các yếu tố cấu thành đồng

phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung:

[3.1] Các bị cáo T, N, V, T4, T1 có hành vi: Bị cáo T4 nói với T về việc muốn sử dụng ma túy, đánh mìn ma túy Ketamine và đưa T, T5, N sử dụng; T là người trực tiếp đi mua ma túy MDMA và Ketamine mang về cho các bị cáo cùng sử dụng; N đồng ý để cả nhóm dùng phòng ngủ trong nhà lán tại trang trại do N là người trông coi, quản lý để cùng nhau sử dụng ma túy và chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy gồm 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu hồng, hình chữ nhật của N; V chở T đi mua ma túy, đổ ma túy Ketamine ra đĩa, lấy thẻ nhựa đánh ma túy để cả nhóm cùng sử dụng và đưa ma túy MDMA cho T4, T1, Q, D sử dụng; T1 cuộn tờ tiền 50.000 đồng và cùng H xỏ vỏ bọc đầu lọc thuốc lá để cố định 02 đầu tờ tiền thành hình ống cho các bị cáo dùng làm ống hút để sử dụng ma túy, đưa ma túy MDMA, Ketamine cho H (17 tuổi 11 tháng 19 ngày) và D sử dụng. Nên các bị cáo T, N, V, T4, T1 đều phải chịu 02 tình tiết định khung "Đối với 02 người trở lên" và "Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi" quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Bị cáo Lò Thị H có hành vi dùng 02 vỏ bọc đầu lọc thuốc lá để xỏ thêm vào tờ tiền 50.000 đồng do T1 đã cuộn cho các bị cáo dùng làm ống hút để sử dụng ma túy và kẻ ma túy đưa T1 sử dụng. Nên bị cáo H phải chịu 01 tình tiết định khung "Đối với 02 người trở lên" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[4] Về vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo cùng tham gia tích cực trong việc đi mua ma túy, chuẩn bị, làm công cụ sử dụng ma túy, đánh mìn ma túy, tự sử dụng ma túy và đưa ma túy cho nhau sử dụng, như sau:

[4.1] Các bị cáo T4, T, N tham gia tích cực nhất: T4 là người khởi xướng, đề xuất với T về việc muốn sử dụng ma túy, T4 cùng T1 đánh mìn, kẻ ma túy Ketamine trên đĩa, T4 đưa ma túy cho T, T5, N sử dụng; T trực tiếp liên hệ, đi mua và mang ma túy về để các bị cáo cùng sử dụng; N sử dụng địa điểm là phòng ngủ tại nhà lán trong trang trại của chị L, nơi N được giao trông coi, quản lý và chuẩn bị công cụ gồm 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa để các bị cáo cùng sử dụng ma túy. Nên xác định các bị cáo T, T4, N có vai trò thứ nhất trong vụ án, vì vậy phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Do đó, cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo.

[4.2] Các bị cáo V, T1, H cùng tham gia, giúp sức tích cực: Bị cáo V chở T đi mua ma túy, đổ ma túy Ketamine ra đĩa, đánh ma túy Ketamine để các bị cáo cùng

sử dụng, đưa ma túy MDMA cho T4, T1, Q, D sử dụng; bị cáo T1 cùng T4 đánh mìn, kẻ ma túy Ketamine trên đĩa, T1 cùng H làm ống hút ma túy, T1 đưa ma túy MDMA, Ketamine cho H, D sử dụng; Bị cáo H (khi thực hiện hành vi 17 tuổi 11 tháng 19 ngày) cùng T1 làm ống hút ma túy để các bị cáo cùng sử dụng, kẻ 02 đường ma túy đưa T1 sử dụng. Nên xác định các bị cáo V, T1, H có vai trò thứ hai trong vụ án, vì vậy cùng phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt thấp hơn các bị cáo T, T4, N. Do đó, cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Các bị cáo cùng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[6.2] Bị cáo V đạt thành tích cá nhân xuất sắc năm 2017 khi làm việc tại Công ty Liên doanh sản xuất thép Vinausteel nên được 01 hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có bố là cựu chiến binh nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6.3] Bị cáo T có bố tham gia kháng chiến cứu nước chống Mỹ; bị cáo N đầu thú sau khi bị truy nã; bị cáo H có ông ngoại là thương binh nên đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những phân tích, đánh giá về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo lần này là rất nghiêm trọng, không những gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân và kinh tế gia đình bị cáo, mà còn là nguyên nhân có thể làm phát sinh những loại tội phạm khác; xác định loại hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Đối với bị cáo H, khi thực hiện hành vi phạm tội mới 17 tuổi 11 tháng 19 ngày là người dưới 18 tuổi phạm tội, nên chỉ phải chịu mức hình phạt tù thấp nhất so với 05 bị cáo khác theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, N, V, T4, T1 đều làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, không có nguồn thu nào khác. Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo H, Kiểm sát viên cùng đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H do khi thực hiện hành vi phạm tội, H 17 tuổi 11 tháng 19 ngày là người dưới 18 tuổi phạm tội; đối với 05 bị cáo còn lại, Kiểm sát viên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung do đều làm lao

động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng là có cơ sở, được chấp nhận nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T, N, V, T4, T1; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

[9.1] Số ma túy và vỏ bao bì còn lại của mẫu M1, M2 sau giám định được niêm phong lại trong 01 (một) bì giấy, dấu niêm phong số 173MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC 09) - Công an thành phố Hải Phòng và 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn; 01 thẻ nhựa màu hồng, hình chữ nhật, ghi họ tên “PHAM QUOC N” là công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

[9.2] 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng đã cuộn thành hình ống; 01 điện thoại Oppo F11 màu xanh đen của Phạm Văn T, 01 điện thoại Iphone XSMax màu trắng của Phạm Tiến V là công cụ, phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Theo biên bản giao, nhận ngày 30/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[10] Về án phí:

[10.1] Mỗi bị cáo T, N, V, T4, T1 đều phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10.2] Bị cáo H thuộc hộ nghèo tại địa phương theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 1180/GCN-HN-HCN của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo và Kiểm sát viên cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, bị cáo H được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về các vấn đề khác có liên quan như đã nêu trong nội dung vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã giải quyết, không xử lý đều phù hợp và có căn cứ, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Phạm Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 04/5/2022.

+ Phạm Quốc N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 23/5/2022.

- Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Phạm Tiến V 07 (bảy) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 04/5/2022.

- Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Lam Vân T4 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 04/5/2022.

+ Trần Thu T1 07 (bảy) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 06/5/2022.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 38; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Lò Thị H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 06/5/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, N, V, T4, T1 đều làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, không có nguồn thu nào khác. Cho các bị cáo T, N, V, T4, T1 được miễn áp dụng hình phạt bổ sung; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy và vỏ bao bì còn lại của mẫu M1, M2 sau giám định được niêm phong lại trong 01 (một) bì giấy, dấu niêm phong số 173MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC 09) - Công an thành phố Hải Phòng và 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn; 01 thẻ nhựa màu hồng, hình chữ nhật, ghi họ tên "PHAM QUOC N".

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 01 điện thoại Oppo F11 màu xanh đen của Phạm Văn T, 01 điện thoại Iphone XSMax màu trắng của Phạm Tiến V.

Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 30/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Về án phí:

+ Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo Phạm Văn T, Phạm Quốc N, Phạm Tiến V, Lam Văn T4, Trần Thu T1 đều phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo H được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Lê Thị Thanh H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Thúy L, anh Bùi Mạnh H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Nhà tạm giữ - Công an huyện K, HP;
- Công an huyện K + PV 06;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS huyện K, HP + Sở TP;
- Các bị cáo;
- UBND xã Đ, huyện K, TP Hải Phòng;
- UBND phường Hà Phong, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

